TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **318/**2023/QĐST-HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 25 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 269/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2023, giữa:

* *Nguyên đơn:* Anh Trần Minh Q, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Thôn 2 Thái Bình, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Thôn 2 Thái Bình, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Minh Q và chị Nguyễn Thị Huyền T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2013 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 22 tháng 5 năm 2013 cho anh Trần Minh Q và chị Nguyễn Thị Huyền T không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Trần Mỹ A, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2013 và cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2016 cho anh Trần Minh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Huyền T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Trần Mỹ A, mức cấp dưỡng 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*/tháng; phương thức cấp dưỡng: Thực hiện định kỳ hàng tháng; thời gian cấp dưỡng: từ tháng 11 năm 2023 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; cấp dưỡng nuôi cháu Trần Tuấn K, mức cấp dưỡng 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*/tháng; phương thức cấp

dưỡng: Thực hiện định kỳ hàng tháng; thời gian cấp dưỡng: từ tháng 11 năm 2023 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Huyền T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Trần Minh Q nếu chị Nguyễn Thị Huyền T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng chị Trang còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Minh Q tự nguyện nhận chịu án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001521, ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang *(nộp tạm ứng án phí thông qua Cổng dịch vụ công Quốc gia ngày 13 tháng 10 năm 2023)*. Trả lại cho anh Q số tiền chênh lệch 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung, số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Chị Trang chưa nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền